# KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẠI BIỂU DÂN CỬ

***1. Khái niệm về kiểm soát chi đầu tư XDCB***

Quản lý vốn đầu tư XDCB: Là quá trình quản lý vốn giữa các cơ quan nhà nước với chủ đầu tư, đồng thời thanh toán cho các Nhà thầu tư vấn, xây lắp, cung ứng thiết bị và chi tiêu cho bản thân chủ đầu tư. Bản chất của việc cấp vốn là Nhà nước (chủ đầu tư là người đại diện) mua lại sản phẩm xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ và các sản phẩm xây dựng cơ bản khác của các nhà thầu, do đó việc cấp đúng, cấp đủ tức là cấp đúng giá trị của hàng hóa xây dựng cơ bản mà nhà thầu bán cho chủ đầu tư (Nhà nước). Cơ chế cấp phát, chi đầu tư từ NSNN là nhân tố quan trọng trong việc giảm thất thoát, tiêu cực trong đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng công trình xây dựng.

Kiểm soát chi không phải là công cụ quản lý riêng của Nhà nước mà bất kỳ thành phần kinh tế nào, cá nhân nào khi thực hiện bất kỳ hoạt động kinh tế nào khi thanh toán tiền ra cũng đều phải kiểm soát để đảm bảo đồng tiền bỏ ra hợp lý nhất, tiết kiệm nhất với mục đích cuối cùng là sử dụng tối ưu hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Nhà nước. Vì vậy để đảm bảo nguồn vốn đầu tư được sử dụng hiệu quả thì công tác kiểm soát được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình đầu tư xây dựng dự án, từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến kết thúc đầu tư đưa dự án hoàn thành vào khai thác sử dụng.

*Vậy kiểm soát chi đầu tư XDCB là việc kiểm tra, xem xét các căn cứ, điều kiện cần và đủ theo quy định của Nhà nước để xuất quỹ NSNN chi trả theo yêu cầu của chủ đầu tư các khoản kinh phí thực hiện dự án, đồng thời phát hiện và ngăn chặn các khoản chi trái với quy định hiện hành.*

TTBD ĐBDC

***2. Mục đích kiểm soát chi đầu tư XDCB từ ngân sách Nhà nước.***

Mục đích quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN là đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, đúng nguyên tắc, đúng tiêu chuẩn, chế độ quy định và có hiệu quả cao. Đối với vốn đầu tư XDCB từ NSNN hiệu quả không đơn thuần là lợi nhuận hay hiệu quả kinh tế nói chung mà là hiệu quả tổng hợp, hiệu quả kinh tế-xã hội. Như vậy kiểm soát chi đầu tư XDCB nhằm các mục đích sau:

- Đảm bảo các khoản chi tiêu đúng đối tượng, đúng nội dung của dự án đã được phê duyệt, theo đúng đơn giá hợp đồng A-B ký kết, góp phần chống lãng phí, thất thoát trong công tác quản lý chi đầu tư XDCB, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Qua công tác kiểm soát chi đầu tư làm cho các chủ đầu tư hiểu rõ hơn để thực hiện đúng chính sách, chế độ về quản lý đầu tư và xây dựng, góp phần đưa công tác quản lý đầu tư và xây dựng đi vào nề nếp, đúng quỹ đạo, từ đó nâng cao vai trò và vị thế của KBNN là cơ quan kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN.

- Qua công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN, KBNN đóng góp tích cực và có hiệu quả với các cấp chính quyền khi xây dựng chủ trương đầu tư, xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn và hàng năm sát với tiến độ thực hiện dự án. Tham mưu với các Bộ, ngành trong việc hoạch định chính sách quản lý đầu tư, thu hút được các nguồn vốn đầu tư.

***3. Ý nghĩa của kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN***

- Kiểm soát chi đầu tư XDCB góp phần đảm bảo vốn đầu tư được thanh toán đúng thực tế, đúng hợp đồng A-B ký kết. Thông qua quá trình kiểm soát chi đầu tư đã góp phần quan trọng trong việc tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước. Góp phần tránh thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng.

- Góp phần đảm bảo thực hiện dự án theo đúng tiến độ. Vì thông qua kiểm soát chi đầu tư cơ quan kiểm soát chủ động nắm bắt tình hình thực hiện của các dự án, qua đó tham mưu cho các Bộ, ngành, Trung ương và địa phương, các chủ đầu tư, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư kịp thời tháo gỡ, giải quyết nhiều khó khăn vướng mắc phát sinh trong triển khai chi đầu tư, góp phần đảm bảo dự án thực hiện theo đúng tiến độ, như vậy sẽ hạn chế các chi phí phát sinh do kéo dài thời gian thực hiện dự án và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Góp phần đảm bảo thực hiện đầu tư tập trung theo định hướng của Nhà nước, từ đó tham mưu cho các cấp chính quyền điều chỉnh, điều hoà kế hoạch vốn đúng đối tượng.

- Góp phần làm lành mạnh nền tài chính Nhà nước, từ đó giúp quyết toán đúng chính sách, chế độ, thời gian, sớm đưa dự án vào khai thác sử dụng.

- Góp phần hoàn thiện các quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước. Tham gia với các Bộ, ngành liên quan để nghiên cứu, sửa đổi và hoàn thiện các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho công tác đầu tư và xây dựng.

- Góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước, thông qua kiểm soát chi, KBNN thực hiện tốt chức năng tham mưu, đề xuất cho các cấp chính quyền, địa phương thực hiện cải cách các thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng, đảm bảo đơn giản, dễ thực hiện nhưng vẫn đúng theo quy định của pháp luật. Từ đó nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng.

TTBD ĐBDC

- Do yêu cầu mở cửa và hội nhập với nền tài chính khu vực và thế giới, việc áp dụng quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN đến từng đối tượng sử dụng là cần thiết, góp phần minh bạch hoá hoạt động quản lý chi tiêu công, đồng thời thúc đẩy quá trình lành mạnh hoá các hoạt động giao dịch trong nền kinh tế.

***4. Nguyên tắc kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN.***

- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án được mở tài khoản cấp phát vốn đầu tư tại KBNN, nơi thuận tiện cho việc kiểm soát chi đầu tư của KBNN và thuận tiện cho giao dịch của chủ đầu tư. Thủ tục mở tài khoản được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và hướng dẫn của KBNN.

- KBNN có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ trong quá trình thanh toán, đảm bảo chi kịp thời, đầy đủ, đúng quy định. Định kỳ và đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư về tình hình chấp hành chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, về tình hình sử dụng vốn đầu tư. Được phép tạm ngừng chi hoặc thu hồi số vốn mà chủ đầu tư sử dụng sai mục đích, không đúng đối tượng hoặc trái với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước; đồng thời báo cáo KBNN cấp trên để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính xem xét, xử lý.

- Trong quá trình kiểm soát chi đầu tư nếu phát hiện quyết định của các cấp có thẩm quyền trái với quy định hiện hành, phải có văn bản gửi cấp có thẩm quyền đề nghị xem xét lại và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời hạn đề nghị mà không nhận được trả lời thì được quyền giải quyết theo đề xuất của mình. Nếu được trả lời mà xét thấy không thoả đáng thì vẫn phải giải quyết theo ý kiến của cấp có thẩm quyền, đồng thời phải báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn và báo cáo cơ quan tài chính để xem xét, xử lý.

- Cán bộ kiểm soát chi đầu tư của KBNN khi kiểm soát chi cho dự án phải đảm bảo đúng quy trình. Khi cần thiết phải chủ động báo cáo xin ý kiến lãnh đạo để phối hợp với chủ đầu tư đi nắm tiến độ thực hiện dự án để đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh toán.

- Số vốn thanh toán cho dự án trong năm không được vượt quá kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án. Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình không vượt quá dự toán hoặc giá trúng thầu, tổng dự toán của dự án (đối với chi phí nằm trong tổng dự toán). Tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Trường hợp số vốn thanh toán vượt kế hoạch vốn cả năm đã được bố trí (do điều chỉnh kế hoạch, do dự án phân bổ không đúng quy định…), KBNN phải phối hợp với chủ đầu tư để thu hồi số vốn đã thanh toán vượt kế hoạch.

TTBD PBDC

- Trong kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB qua KBNN các khoản chi phải thực hiện chuyển khoản trực tiếp đến đơn vị thụ hưởng trừ một số khoản được chi bằng tiền mặt qua KBNN như sau:

+ Chi cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, bao gồm các khoản chi cho hội đồng giải phóng mặt bằng, các khoản chi đền bù cho người dân, cho các tổ chức, các đơn vị không có tài khoản.

+ Đối với chi phí ban quản lý dự án, ngoài các chi phí mua sắm bằng hợp đồng, các khoản mua sắm hàng hoá dịch vụ thanh toán chuyển khoản trực tiếp cho nhà cung cấp, các khoản chi phí thanh toán cho cá nhân và chi phí thường xuyên nhỏ lẻ được chi bằng tiền mặt.

+ Chi phí tư vấn cho các cá nhân không có tài khoản.

+ Chi xây dựng các công trình của xã do dân được phép tự làm, chi mua sắm một số vật tư do nhân dân khai thác và cung ứng được chính quyền địa phương và chủ đầu tư chấp thuận.

- KBNN thực hiện thanh toán trước, kiểm soát sau đối với từng lần thanh toán của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần và kiểm soát trước, thanh toán sau đối với công việc, hợp đồng thanh toán 1 lần và lần thanh toán cuối cùng của công việc, hợp đồng thanh toán nhiều lần.

- Việc giao nhận hồ sơ giữa Phòng Kiểm soát chi đầu tư và Phòng Kế toán do giám đốc KBNN các cấp chủ động quy định, Phòng Kế toán chỉ có trách nhiệm xem xét các chứng từ kế toán như giấy rút vốn đầu tư, giấy đề nghị chi tạm ứng đầu tư (trường hợp nếu có thanh toán tạm ứng), các tài liệu khác được Phòng kiểm soát chi đầu tư kẹp thành tập hồ sơ theo từng nội dung thanh toán cụ thể để trình lãnh đạo KBNN, Phòng Kế toán không có trách nhiệm xem xét.

TTBD ĐBDC

- Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, KBNN căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) để thanh toán theo đề nghị của chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của đối tượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình, KBNN không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. KBNN căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

- Kiểm soát chi đầu tư XDCB phải đúng luật và chống thất thoát, lãng phí: Vốn cho từng dự án phải kiểm soát chặt chẽ, giải ngân kịp thời đúng chế độ, đúng thời gian quy

định, tăng cường kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả. Mặt khác công việc kiểm soát vốn đầu tư XDCB là rất lớn và lệ thuộc vào hàng loạt chế độ chính sách quy định của Nhà nước, do đó việc xác định chức năng, nhiệm vụ phải rõ ràng, khoa học, phân công, phối hợp chặt chẽ, thống nhất, có nguyên tắc, đúng luật lệ thì mới nâng cao hiệu quả đầu tư.

***5. Cam kết chi và kiểm soát cam kết chi.***

5.1. Khái niệm về cam kết chi và kiểm soát cam kết chi

Cam kết chi NSNN được hiểu là: *đơn vị sử dụng ngân sách trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao, đã tạo ra cho đơn vị mình một nghĩa vụ nợ và nghĩa vụ nợ đó được trang trải bởi một khoản kinh phí dành sẵn từ dự toán NSNN được giao hàng năm.*

Như vậy từ khái niệm cam kết chi có thể hiểu kiểm soát cam kết chi như sau: *kiểm soát cam kết chi là toàn bộ các hoạt động được thực hiện nhằm đảm bảo các khoản chi của đơn vị nằm trong dự toán NSNN hàng năm được duyệt và tuân thủ các chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước quy định trên cơ sở đó KBNN giữ lại một khoản dự toán tương ứng để đảm bảo chi trả khi các khoản chi đủ điều kiện để thanh toán.*

5.2. Bản chất của cam kết chi.

Cam kết chi NSNN là một nghiệp vụ phát sinh từ đơn vị sử dụng ngân sách.

Một đơn vị sử dụng ngân sách, trước hết phải là một đơn vị chi tiêu ngân sách. Các khoản chi tiêu này nhằm duy trì tổ chức bộ máy, các điều kiện làm việc cần thiết để đơn vị có thể thực hiện và hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước giao cho. Các khoản chi tiêu này gồm chi cho con người (lương, phụ cấp…), văn phòng phẩm, chi phí duy trì trụ sở làm việc (xây mới, máy móc văn phòng và các điều kiện làm việc khác…). Ngoài ra, khi tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước quy định theo chức năng và nhiệm vụ ban đầu, các đơn vị này cũng sẽ chi tiêu tiền từ NSNN.

Khi có nhu cầu mua sắm hàng hóa, cung ứng dịch vụ, xây dựng, sửa chữa tài sản cố định thì các đơn vị sử dụng ngân sách phải ký kết hợp đồng với nhà cung cấp, nhà thầu; khi cần tuyển dụng, nâng ngạch, bậc lương cán bộ, công chức thì các đơn vị sử dụng ngân sách phải ra quyết định tuyển dụng, nâng ngạch, bậc lương...Tất cả các hợp đồng, các quyết định nêu trên sẽ làm phát sinh ra một khoản nợ mà đơn vị sử dụng ngân sách có nghĩa vụ phải chi trả, thanh toán.

Trên thực tế có những sự kiện pháp lý hoặc các quyết định không liên quan đến quá trình mua sắm, trao đổi hàng hóa, dịch vụ…mà liên quan đến các chức năng,

TTBD ĐBDC

nhiệm vụ của Nhà nước trong quá trình quản lý điều hành nền kinh tế, xã hội. Các sự kiện, quyết định này cũng dẫn tới phát sinh chi phí từ ngân sách Nhà nước, và các cơ quan liên quan theo trách nhiệm được phân công hoặc ủy quyền, có trách nhiệm thực hiện thanh toán, chi trả. Điển hình cho các nhóm nghiệp vụ phát sinh này có: Chi trợ cấp thiên tai, lũ lụt, thảm họa…của Nhà nước cho các đối tượng nạn nhân…; chi phúc lợi xã hội cho các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh liệt sỹ…Sau khi có các quyết định của các cấp có thẩm quyền (Nhà nước, Quốc hội…), Nhà nước sẽ phát sinh một nghĩa vụ nợ đối với các đối tượng được xác định cụ thể; đồng thời sẽ phân công hoặc ủy quyền cho các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực thi, chi trả, thanh toán.

Từ các hành vi, quyết định, sự kiện dẫn tới việc phát sinh nghĩa vụ nợ trong hiện tại hoặc tương lai, các đơn vị liên quan (đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị được Nhà nước ủy quyền hoặc phân công…) phải thực hiện việc ước lượng, khoanh vùng, dành sẵn số kinh phí cần thiết nhằm đảm bảo trang trải cho những khoản nợ, khoản dự định chi mà đơn vị đã cam kết khi có đủ điều kiện thanh toán, chi trả. Khoản kinh phí này được dành từ dự toán của đơn vị được lập từ đầu năm, hoặc được điều chỉnh, bổ sung khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

5.3. Đặc điểm của cam kết chi NSNN.

Xuất phát từ bản chất của cam kết chi, ta có thể rút ra được một số đặc điểm của cam kết chi như sau:

- Chủ thể cam kết chi chính là Nhà nước: Theo phân cấp quản lý, chủ thể cam kết có thể là đơn vị sử dụng ngân sách khi phát sinh hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ; là đơn vị ra quyết định tuyển dụng cán bộ; có thể là đơn vị được giao nhiệm vụ thực thi một quyết định của Nhà nước, mà từ quyết định đó phát sinh một khoản nợ công.

- Đối tượng nhận cam kết là đối tượng bị tác động bởi các quyết định, các sự kiện hoặc hành vi pháp lý mà từ đó phát sinh nghĩa vụ cam kết. Nói cách khác đây là các đối tượng thụ hưởng, là chủ nợ đối với chủ thể cam kết. Như vậy chủ thể nhận cam kết là rất rộng, có thể là các cá nhân, tập thể hoặc các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Nhà nước.

Đối với các hoạt động chi NSNN để chi trả các khoản trợ cấp từ NSNN, hoặc chi phục vụ một mục đích kinh tế xã hội nhất định, chủ thể nhận cam kết là các cá nhân, nhóm đối tượng đáp ứng một số điều kiện nhất định được quy định bởi Nhà nước. Hoạt động chi NSNN này có tính chất cấp phát, cho không (có tính một chiều, không

phải là hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ), chi NSNN có thể diễn ra định kỳ hoặc diễn ra đột xuất và theo từng quyết định cá biệt của Nhà nước.

Đối với hoạt động chi NSNN để thanh toán các hợp đồng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh giữa một bên là nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ với một bên là Nhà nước, chủ thể nhận cam kết có thể là một cá nhân hoặc đơn vị. Khoản chi NSNN và cam kết này có đặc điểm là phải có phát sinh giao dịch kinh tế giữa các chủ thể (cung cấp hàng hóa dịch vụ hoặc người làm việc cho Nhà nước…), trên cơ sử phát sinh các giao dịch kinh tế, Nhà nước có nghĩa vụ cam kết và thanh toán, chi trả khi các giao dịch phát sinh và hoàn thành.

- Quá trình cam kết chi NSNN là quá trình ghi nhận sự phát sinh nghĩa vụ nợ của Nhà nước đối với chủ thể được cam kết, ước lượng chi phí theo các chế độ định mức hiện hành, thực hiện ghi chép, hạch toán nghĩa vụ nợ của Nhà nước đối với chủ thể nhận cam kết, làm cơ sở cho việc đảm bảo thanh toán khoản nợ này từ NSNN trong tương lai.

- Hoạt động quản lý, kiểm soát các cam kết là hoạt động kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các quyết định pháp lý khi nó làm phát sinh các nghĩa vụ nợ, đồng thời kiểm tra về căn cứ để xác định giá trị để thực hiện ghi nhận giá trị cam kết chi NSNN.

Như vậy cam kết chi là một điểm rất mới, rất cải cách mà ngành Tài chính đã mạnh dạn áp dụng. Nếu như quản lý chi trước đây được hiểu là yêu cầu các đơn vị chi tiêu NSNN phải tuân thủ các chế độ, định mức, đối tượng chi tiêu từ NSNN thì với việc thực hiện kiểm soát cam kết chi, Nhà nước đã tiến thêm một bước nữa, là thực hiện cam kết và đảm bảo thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho các đối tác ngay từ khi đưa ra quyết định của mình. Điều này đã đặt ra yêu cầu mới cho các đơn vị sử dụng ngân sách cũng như đối với tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan đến chu trình quản lý chi NSNN. Đồng thời, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Nhà nước, của Chính phủ đối với các thành phần kinh tế, là nội dung cải cách rất lớn trong quá trình cải cách quản lý tài chính công tại Việt Nam.

TTBD ĐBDC

5.4. Mục đích, ý nghĩa của cam kết chi và kiểm soát cam kết chi

a) Mục đích, ý nghĩa của cam kết chi

- Giữ cho các khoản chi của đơn vị sử dụng ngân sách không vượt quá mức đã cam kết và tổng mức chi đã cam kết không vượt quá mức kinh phí đã được dự trù trong dự toán NSNN được giao hàng năm, đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả của đơn vị sử dụng ngân sách.

- Đảm bảo các khoản chi được cam kết phù hợp với chế độ, định mức, tiêu chuẩn do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Đảm bảo các chủ thể nhận cam kết (Các đơn vị, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế), khi đã được Nhà nước cam kết, đồng thời hội tụ đủ các điều kiện để được thanh toán (được xác nhận hoàn thành nghĩa vụ cung cấp hàng hoá, dịch vụ) thì sẽ được thanh toán từ NSNN.

- Hạn chế tình trạng nợ đọng trong cả chi đầu tư cũng như chi thường xuyên, hạn chế tình trạng chi tiêu, mua sắm không căn cứ vào dự toán, góp phần giảm tình trạng quyết định đầu tư dàn trải của các đơn vị chủ đầu tư.

- Nâng cao vai trò tự giám sát và tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng NSNN của các đơn vị. Các đơn vị sử dụng ngân sách khi đưa ra các quyết định làm phát sinh nghĩa vụ cam kết chi sẽ phải thận trọng, căn cứ vào số dự toán còn lại của đơn vị cũng như các quy định về chế độ định mức, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán đúng, đủ cho nhà cung cấp đã cam kết. Điều này hạn chế tình trạng mua sắm vượt dự toán, dây dưa trong thanh toán, thanh toán nhỏ giọt, giúp ngăn chặn phát sinh chi vượt quá dự toán được phê duyệt của đơn vị

b) Mục đích, ý nghĩa của kiểm soát cam kết chi.

**) Mục đích:*

- Thực hiện kiểm soát ngay khi đơn vị sử dụng ngân sách cam kết chi NSNN, chứ không đợi tới khi thanh toán, chi trả mới bắt đầu kiểm soát chi như hiện nay. Hoạt động này có ưu điểm là thực hiện kiểm soát trước các khoản chi tiêu của đơn vị sử dụng ngân sách, gắn chặt quyết định chi tiêu của đơn vị với một nghĩa vụ nợ thực tế có thể phát sinh bởi quyết định, đảm bảo chắc chắn việc thực thi nghĩa vụ chi trả của đơn vị.

- Kiểm tra các khoản chi có nằm trong dự toán được duyệt và được bố trí kinh phí hàng năm. Đây là hoạt động hỗ trợ cho công tác quản lý chi trước và trong quá trình chi NSNN.

- Kiểm tra số dư dự toán còn lại của đơn vị; kiểm tra căn cứ pháp lý đối với các khoản chi có yêu cầu. Các hoạt động này đảm bảo các khoản chi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nội dung, định mức tiêu chuẩn của Nhà nước, đồng thời quản lý trong khuôn khổ số tiền còn được phép chi tiêu của đơn vị. Qua đó nâng cao hiệu quả thi hành của hành vi cam kết.

**) Ý nghĩa:*

TTBD ĐBDC

- Kiểm soát cam kết chi NSNN đảm bảo các khoản chi NSNN thuộc diện phải cam kết phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, qua đó góp phần thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm tập trung mọi nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế-xã hội, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định tiền tệ và lành mạnh hoá nền tài chính Quốc gia.

- Kiểm soát cam kết chi góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như phát huy được vai trò của các cấp các ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác quản lý và điều hành NSNN.

- Thông qua quá trình kiểm soát cam kết chi sẽ góp phần ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực, phát hiện những điểm chưa phù hợp trong cơ chế quản lý để từ đó kiến nghị với các ngành, các cấp sửa đổi, bổ sung kịp thời để các cơ chế quản lý và kiểm soát chi NSNN ngày càng được hoàn thiện hơn.

- Phát hiện và xử lý kịp thời các gian lận, sai phạm, sai sót và lãng phí có thể xảy ra trong việc sử dụng kinh phí NSNN của các đơn vị, đảm bảo mọi khoản chi của NSNN được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả. Đồng thời góp phần ngăn chặn được tình trạng phát sinh nợ vượt quá mức kinh phí trong dự toán đã được phê duyệt, giảm tỉnh trạng nợ đọng trong chi tiêu của các đơn vị sử dụng ngân sách cũng như nợ đọng của các cấp chính quyền.

- Do yêu cầu mở cửa và hội nhập với nền tài chính khu vực và thế giới, việc áp dụng Quy trình kiểm soát cam kết và thực hiện chi trả trực tiếp các khoản chi NSNN đến từng đối tượng sử dụng là rất cần thiết, góp phần minh bạch hoá hoạt động quản lý chi tiêu công, đồng thời thúc đẩy quá trình lành mạnh hoá hoạt động giao dịch trong nền kinh tế.

***6. Quy trình kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN.***

Quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB được thực hiện theo các bước sau:

***Một là: Kiểm soát hồ sơ ban đầu:***

Sau khi được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, chủ đầu tư phải đến mở tài khoản giao dịch và gửi hồ sơ tài liệu của dự án đến KBNN để kiểm soát ban đầu.

*Nội dung kiểm tra như sau:*

*Thứ nhất:* Kiểm soát đầy đủ của hồ sơ, đủ về số lượng các loại hồ sơ theo quy định.

*Thứ hai:* Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ: Đó là hồ sơ phải được lập theo đúng mẫu quy định, chữ ký, đóng dấu của người, cấp có thẩm quyền ban hành, các hồ sơ phải được lập, ký duyệt theo đúng trình tự về quản lý vốn đầu tư XDCB (bao gồm cả việc

kiểm tra mẫu dấu, chữ ký) sự phù hợp mã đơn vị sử dụng ngân sách, nguồn vốn, niên độ kế hoạch vốn.

*Thời gian kiểm tra:* Tối thiểu ngày hai lần bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải bàn giao hồ sơ cho cán bộ thanh toán, đồng thời việc giải quyết hồ sơ đảm bảo trả kết quả đúng theo thời gian quy định. Trường hợp đối với những hồ sơ đã quá hạn trả kết quả, cần báo cáo với Trưởng phòng kiểm soát chi đầu tư để đôn đốc giải quyết đúng hạn. Đối với các dự án mới (chưa phân công cho cán bộ chuyển quản), cán bộ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả báo cáo Trưởng phòng kiểm soát chi đầu tư để phân công cán bộ thanh toán, đồng thời bàn giao hồ sơ cho cán bộ kiểm soát chi. KBNN có trách nhiệm thông báo về kết quả kiểm tra, ghi rõ các nhận xét, các nội dung chưa thống nhất, những sai sót và đề nghị chủ đầu tư giải thích bổ sung, hoàn chỉnh.

***Hai là: Kiểm soát chi từng lần tạm ứng, thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành.***

Ngoài việc kiểm soát sự đầy đủ, tính pháp lý của hồ sơ thì tuỳ từng nội dung tạm ứng hoặc thanh toán (như chi phí xây lắp, mua sắm thiết bị, đền bù giải phóng mặt bằng, chi hội nghị và các khoản chi phí khác) mà nội dung kiểm soát khác nhau, nhưng nói chung việc kiểm soát hồ sơ tạm ứng hoặc thanh toán từng lần được thực hiện như sau:

- Kiểm soát tính thống nhất về nội dung giữa các hồ sơ: Đảm bảo sự trùng khớp các hạng mục, nội dung đầu tư trong dự toán chi phí với các hạng mục đầu tư trong báo cáo khả thi báo cáo đầu tư đã được phê duyệt. Nắm được các chỉ tiêu cơ bản như: Các hạng mục công trình chính, tiến độ xây dựng, tiến độ cấp vốn, các loại nguồn vốn tham gia dự án đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư, hợp đồng kinh tế.

- Kiểm soát việc lựa chọn nhà thầu theo quy định: Kiểm soát các dự án thuộc đối tượng chỉ định thầu, đấu thầu hay các hình thức lựa chọn nhà thầu khác (đảm bảo quy định của Luật đấu thầu).

- Kiểm tra, đối chiếu đảm bảo số vốn đề nghị thanh toán phù hợp với từng loại hợp đồng, giá hợp đồng, các điều kiện trong hợp đồng và theo dự toán được duyệt.

*Ngoài ra tuỳ từng loại chi mà kiểm soát cụ thể như sau:*

- Đối với các khoản tạm ứng: Kiểm soát nội dung tạm ứng xem có đúng đối tượng được tạm ứng, kiểm soát mức vốn tạm ứng (tỷ lệ tạm ứng %) có phù hợp với quy định về tạm ứng vốn trong hợp đồng xây dựng hay không.

TTBD ĐBDC

- Đối với các khoản thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành: Kiểm soát số vốn đề nghị thanh toán trên nguyên tắc, số vốn đề nghị thanh toán phải phù hợp với giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, kiểm tra số học có đúng không.

- Kiểm soát các chế độ mà dự án được hưởng tại thời điểm lập, phê duyệt dự toán; Kiểm soát danh mục, chủng loại thiết bị có đúng với dự toán được duyệt, có phù hợp với nội dung hợp đồng.

- Kiểm soát, xác định số vốn đã ứng để thu hồi (chuyển vốn đã ứng sang thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành), tổng số vốn thanh toán bao gồm cả tạm ứng không được vượt hợp đồng, tổng dự toán và kế hoạch vốn đầu tư năm dự án.

- Ngoài ra còn kiểm soát một số nội dung có liên quan khác tuỳ thuộc vào đặc thù của từng dự án.

Thanh toán theo giá trúng thầu bao gồm: Hợp đồng trọn gói là hợp đồng theo giá khoán gọn và không điều chỉnh giá trong quá trình thực hiện, khống chế mức vốn thanh toán theo hợp đồng, kiểm tra các khoản phát sinh trên nguyên tắc phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn giá theo đơn giá trúng thầu, trường hợp pháp sinh theo đơn giá trúng thầu hoặc đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hợp đồng có điều chỉnh giá thực hiện kiểm tra, kiểm tra khối lượng hoàn thành tại từng thời điểm, các chính sách, chế độ dự án được hưởng tại mỗi thời điểm để áp dụng đơn giá phù hợp, kiểm tra công thức xác định đơn giá điều chỉnh.

*Trình tự kiểm soát:* Tuỳ theo quy mô, tính chất phức tạp của dự án đầu tư, cán bộ kiểm soát chi kiểm tra các hồ sơ, giá trị đề nghị tạm ứng, thanh toán hoặc chuyển cho cán bộ kiểm tra (nếu có cán bộ kiểm tra chuyên trách) thực hiện kiểm tra, nếu hợp lệ trình lãnh đạo duyệt và chuyển sang bộ phận kế toán làm thủ tục thanh toán, chuyển tiền cho đơn vị thụ hưởng. Đối với các dự án ODA, cán bộ kiểm soát chi sau khi kiểm tra, kiểm soát ghi số tiền chấp nhận thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện trên phiếu giá hoặc bảng kê để chủ đầu tư làm thủ tục rút vốn từ nhà tài trợ, hoặc làm việc với ngân hang phục vụ để rút vốn thanh toán cho nhà thầu.

Trường hợp cần thiết, cán bộ thanh toán của KBNN có thể kiển tra lại hiện trường nơi thực hiện dự án, để đảm bảo việc kiểm soát chi đầu tư là có cơ sở.

***Ba là: Kiểm soát chi quyết toán dự án, công trình hoàn thành được phê duyệt.***

Khi dự án, công trình hoàn thành được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, KBNN tiến hành kiểm tra đối chiếu số vốn đã thanh toán cho dự án, công trình. Nếu số vốn đã thanh toán nhỏ hơn số vốn quyết toán được duyệt khi KBNN căn cứ vào kế hoạch vốn bố trí

TTBD ĐBDC

cho dự án để thanh toán chi trả cho các đơn vị thụ hưởng. Nếu số vốn đã thanh toán lớn hơn số vốn quyết toán được duyệt thì KBNN phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn đã thanh toán cho các đơn vị nhận thầu.